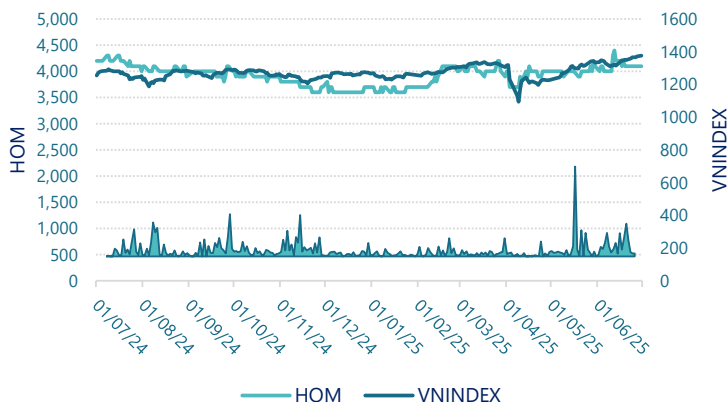


CTCP Xi măng VICEM Hoàng Mai (HNX: HOM)

Lịch sử giá



Thông tin giao dịch 30/06/2025

Giá hiện tại (VNĐ)	4,100
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	4,400
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	3,600
SL cổ phiếu LH	71,997,731
KLGD BQ 20 phiên (CP)	19,490
% sở hữu nước ngoài	1.2%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	295
P/E	-15.4
EPS	-267

DT thuần

Q2/25

493

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 144 | 41.2%

YoY: ▼ 4.00 | -0.9%

LN sau thuế

Q2/25

7.35

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 6.82 | 1286%

YoY: ▲ 7.08 | 2621%

Tỷ suất lãi EBIT

Q2/25

1.9%

+/- YoY: ▲ 1.7%

DT thuần

6T 2025

842

tỷ VNĐ

YoY: ▼ 6.00 | -0.7%

LN sau thuế

6T 2025

7.88

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 47.8 | 120%

ROE

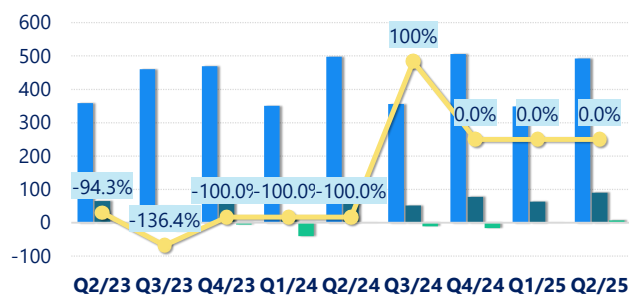
Q2/25

-2.2%

+/- YoY: ▲ 5.6%

tỷ VNĐ

Kết quả kinh doanh



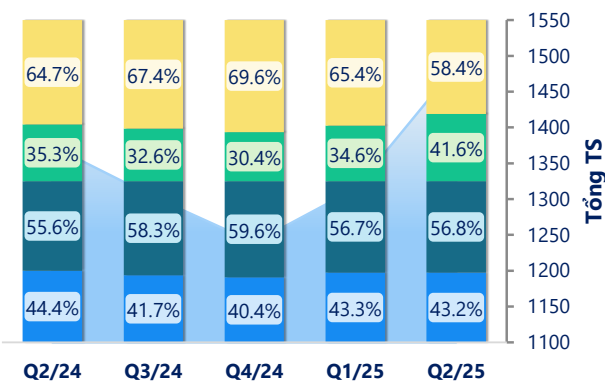
Q2/23 Q3/23 Q4/23 Q1/24 Q2/24 Q3/24 Q4/24 Q1/25 Q2/25

Doanh thu thuần
Lợi nhuận gộp
Lợi nhuận sau thuế
Tăng trưởng LN sau thuế (YoY)

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ

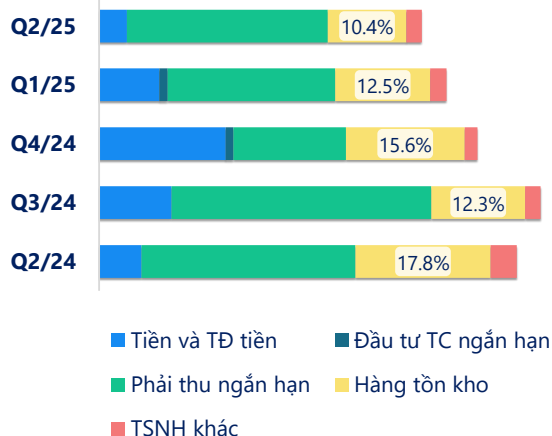


Q2/24 Q3/24 Q4/24 Q1/25 Q2/25

Tổng tài sản
Tài sản ngắn hạn
Tài sản dài hạn
Nợ phải trả
Nguồn VCSH

(Nguồn: fireant.vn)

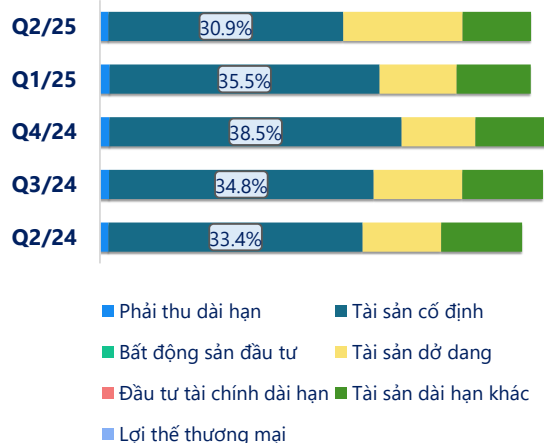
Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



Tiền và TĐ tiền
Phải thu ngắn hạn
Đầu tư TC ngắn hạn
Hàng tồn kho
TSNH khác

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS

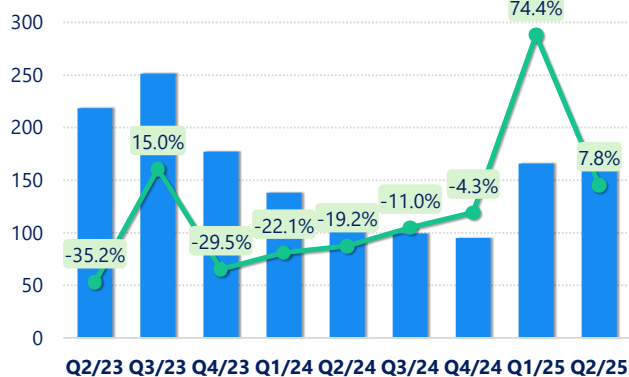


Phải thu dài hạn
Tài sản cố định
Bất động sản đầu tư
Tài sản vô hình
Đầu tư tài chính dài hạn
Tài sản dài hạn khác
Lợi thế thương mại

(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Nợ vay



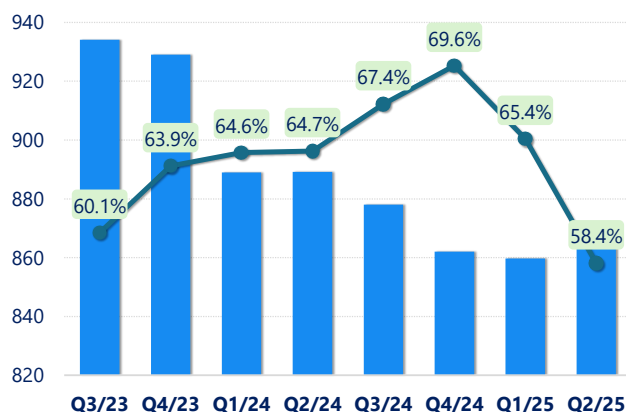
Q2/23 Q3/23 Q4/23 Q1/24 Q2/24 Q3/24 Q4/24 Q1/25 Q2/25

Vay và nợ thuê ngắn hạn
Vay và nợ thuê dài hạn
Tăng trưởng nợ vay

(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Vốn chủ sở hữu

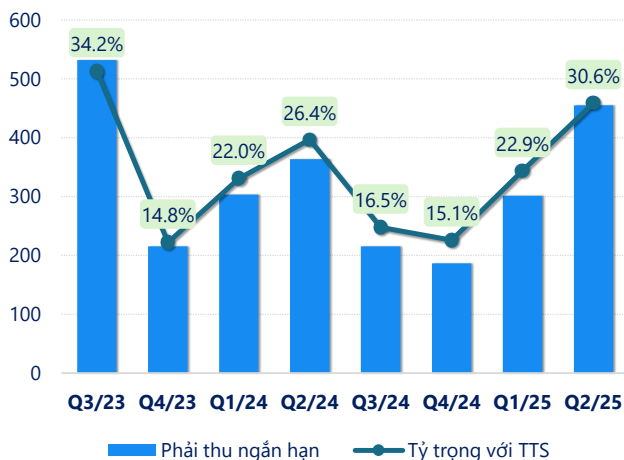


Q3/23 Q4/23 Q1/24 Q2/24 Q3/24 Q4/24 Q1/25 Q2/25

Vốn chủ sở hữu
Tỷ trọng với TTS

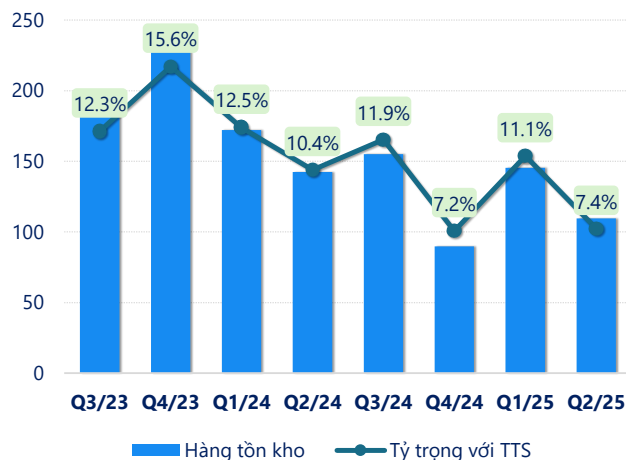
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Phải thu ngắn hạn


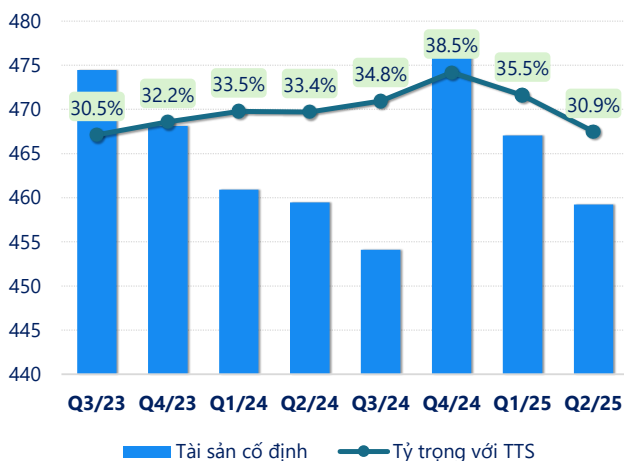
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Hàng tồn kho


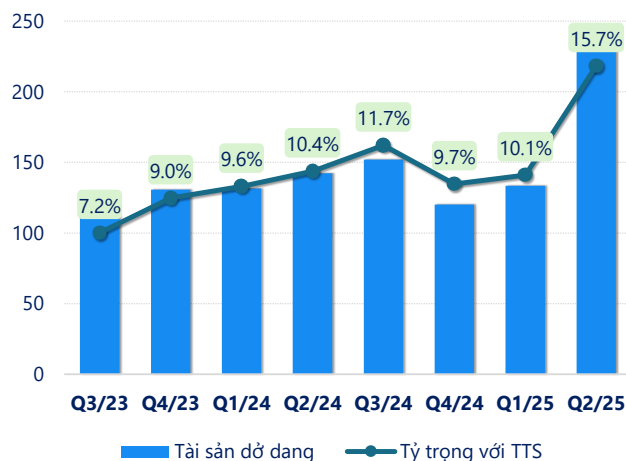
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

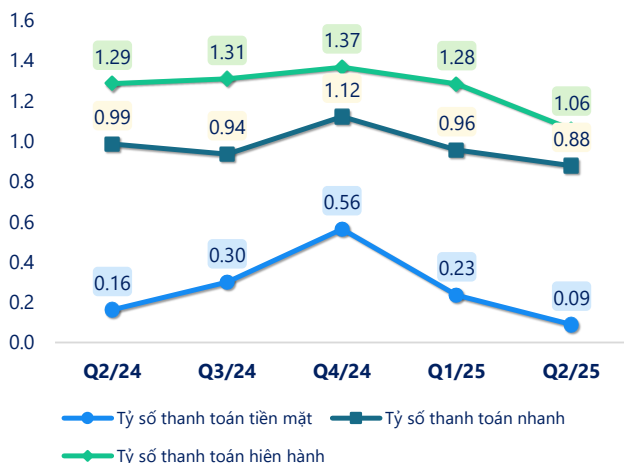
Tài sản cố định


(Nguồn: fireant.vn)

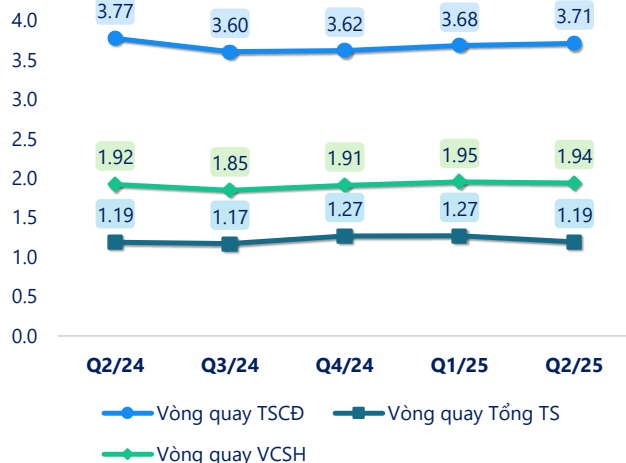
tỷ VNĐ

Tài sản dở dang


(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản


(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản


(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Tổng tài sản	1,374	1,303	1,240	1,314	1,486
Tài sản ngắn hạn	610	543	501	569	643
Tiền và tương đương tiền	76.9	124	206	104	54.2
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	0	0	0
Phải thu ngắn hạn	363	215	187	301	455
Hàng tồn kho	142	155	89.8	145	109
Tài sản ngắn hạn khác	27.7	48.6	18.2	18.3	24.0
Tài sản dài hạn	764	760	738	745	844
Phải thu dài hạn	15.5	15.5	15.5	16.7	16.7
Tài sản cố định	459	454	477	467	459
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	142	152	120	133	234
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản dài hạn khác	146	138	126	128	134
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	485	425	377	455	619
Nợ ngắn hạn	475	415	366	443	607
Vay và nợ thuê ngắn hạn	112	99.3	95.0	166	179
Phải trả người bán ngắn hạn	239	170	162	194	309
Nợ dài hạn	10.2	10.6	11.0	11.5	11.9
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	0	0	0
Nguồn vốn chủ sở hữu	889	878	862	860	867
Vốn chủ sở hữu	889	878	862	860	867
Vốn điều lệ	748	748	748	748	748
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)